

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày 21 -5- 2024.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hòa.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Bông – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TL.ST - DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST – DS ngày 02/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST- DS ngày 23/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Người đại diện theo pháp luật:** Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc

+ **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Phạm V – Trưởng Phòng giao dịch S; Địa chỉ: Số 93 T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

(*Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023*) và Ông Nguyễn Đức M – Chức vụ: Phó phòng giao dịch S - H (*Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2023*). *Có mặt.*

- Bị đơn: Ông Phạm Lê Minh H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ 39, khối H, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023; các bản trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Đức M trình bày: Ngày 10/08/2020, ông Phạm Lê Minh H có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - CN Quảng Nam - PGD H (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín

dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ điều kiện chủ sở hữu bất động sản của ông Phạm Lê Minh H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số: 970403 - 8141 với hạn mức sử dụng là 100,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã không hợp tác thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 19/5/2024, ông Phạm Lê Minh H còn nợ Ngân hàng số tiền là 133.131.224 đồng (*Một trăm ba ba triệu, một trăm ba một nghìn, hai trăm hai bốn đồng*); trong đó: nợ gốc là 76.214.593 đồng (*Bảy mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm chín mươi ba đồng*), nợ lãi quá hạn là 56.916.631 đồng (*Năm mươi sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba một đồng*). Ngân hàng đã yêu cầu ông Phạm Lê Minh H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Phạm Lê Minh H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Lê Minh H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2024 là: 133.131.224 đồng (*Một trăm ba ba triệu, một trăm ba một nghìn, hai trăm hai bốn đồng*; trong đó: nợ gốc: 76.214.593 đồng (*Bảy mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm chín mươi ba đồng*), lãi quá hạn là 56.916.631 đồng (*Năm mươi sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba một đồng*) và ông Phạm Lê Minh H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/5/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Phạm Lê Minh H không có ý kiến trình bày gửi đến tòa án, không tham gia các phiên hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đại diện nguyên đơn tham gia vụ án đã chấp hành pháp luật tố tụng một cách nghiêm túc, đúng pháp luật. Bị đơn ông Phạm Lê Minh H không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S khởi kiện đối với bị đơn ông Phạm Lê Minh H. Ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Lê Minh H trả nợ vay theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 970403-8141, do đó đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; bị đơn ông Phạm Lê Minh H cư trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Phạm Lê Minh H hiện tại không có mặt tại nơi cư trú, vắng mặt tại các phiên làm việc tại Tòa, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với bà Nhung Thị Vy P, tại thời điểm ông Phạm Lê Minh H ký hợp đồng mở thẻ tín dụng, bà P không ký vào hợp đồng, mục đích mở thẻ của ông H là sử dụng cho bản thân ông H; Ngân hàng xác định bà Phương không liên quan trong việc ký và sử dụng thẻ tín dụng cấp cho ông H. Do đó, trong vụ án này bà Nhung Thị Vy P không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 10/08/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - CN Quảng Nam - PGD H và ông Phạm Lê Minh H có ký với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ điều kiện chủ sở hữu bất động sản của ông Phạm Lê Minh H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số: 970403 - 8141 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình kích hoạt thẻ từ ngày 10/8/2020; ông H đã nhiều lần thực hiện các giao dịch theo Hợp đồng. Đến ngày 22/9/2022 ông H đã vi phạm Hợp đồng ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho ông H về số tiền nợ và lãi nhưng ông H không trả nợ theo Hợp đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng S yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Phạm Lê Minh H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2024 số tiền 133.131.224 đồng (*Một trăm ba ba triệu, một trăm ba một nghìn, hai trăm hai bốn đồng*); trong đó: nợ gốc: 76.214.593 đồng (*Bảy mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm chín ba đồng*) và lãi quá hạn là 56.916.631 đồng (*Năm mươi sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba một đồng*) và ông H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/5/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Hợp đồng sử dụng thẻ với hình thức cấp thẻ tín dụng số 970403 - 8141 do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận về mục đích vay, lãi suất cho vay, phương thức tính lãi vay là phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng.

Do đó, hợp đồng sử dụng thẻ với hình thức cấp thẻ tín dụng số 970403 - 8141 là hợp đồng hợp pháp, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phạm Lê Minh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, ông H phải thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng S là: nợ gốc: 76.214.593 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín ba đồng*).

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản vay của ông Phạm Lê Minh H. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Phạm Lê Minh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đúng hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 13 của bản Điều Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, ông H phải thanh toán tổng số tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/5/2024 là 56.916.631 đồng (*Năm mươi sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba một đồng*).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Lê Minh H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 19/5/2024 với số tiền 133.131.224 đồng (*Một trăm ba ba triệu, một trăm ba một ngàn, hai trăm hai bốn đồng*); trong đó: nợ gốc: 76.214.593 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín ba đồng*) và lãi quá hạn là 56.916.631 đồng (*Năm mươi sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba một đồng*) và ông H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/5/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[2.2] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.213.818 đồng (*Ba triệu hai trăm mười ba nghìn tám trăm mười tám đồng*) Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật đối với số tiền bị đơn phải trả 133.131.224 đồng x 5% = 6.656.561 đồng (*sáu triệu sáu trăm năm sáu nghìn năm trăm sáu một đồng*). Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Phạm Lê Minh H về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

2. Buộc ông Phạm Lê Minh H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2024 là 133.131.224 đồng (*Một trăm ba ba triệu, một trăm ba một nghìn, hai trăm hai bốn đồng*); trong đó: nợ gốc là 76.214.593 đồng (*Bảy mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm chín ba đồng*), nợ lãi quá hạn là 56.916.631 đồng (*Năm mươi sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba một đồng*) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 20/5/2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và văn bản quy định về biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam cho đến khi thanh toán xong.

3. Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.213.818 đồng (*Ba triệu hai trăm mười ba nghìn tám trăm mười tám đồng*) Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp.

4. Về án phí: Ông Phạm Lê Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.656.561 đồng (*Sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm sáu một đồng*).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.722.201 đồng (*Hai triệu bảy trăm hai hai nghìn hai trăm lẻ một đồng*) theo Biên lai thu số 0007796 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Tp Hội An;
- Chi cục THADS Tp Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhạn